TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 69/2023/DS-ST**.**
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Nguyễn Văn Tân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLST–DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST – DS ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: số M ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Ngô A, sinh năm 1964

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần D, sinh năm 1994, là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/5/2023. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà N ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/11/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý T bày:

Nguyên vào năm 2016 bà Ngô A có nhờ bà chơi dùm bà A một chưng hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, một tháng khui một lần, hụi khui ngày 19/8/2016 âm lịch, có 28 chưng hụi, chủ hụi do bà Từ C, địa chỉ ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Bà tham gia hụi dùm bà A, hụi khui lần thứ ba thì hốt hụi cho bà A, do lâu quá bà không nhớ số tiền hụi hốt được bao nhiêu mà khoảng 27.000.000 đồng chắc cũng đúng nhưng sau khi hốt hụi thì bà có đưa tiền hụi lại cho bà A và bà A cũng có trả tiền thiếu bà (do bà A trước đó hỏi tiền của bà). Sau đó bà A đưa tiền cho bà để bà đóng hụi chết lại mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Số tiền hụi bà đã

đóng hết các phần hụi chết cho chủ hụi do chủ hụi và bà có giao dịch hụi qua lại với nhau nên đã thanh toán hụi với nhau xong hết. Sau đó bà A không có đưa tiền cho bà đóng hụi chết nên bà có làm đơn yêu cầu đến tổ hòa giải ấp V, xã VQ, thị xã N hòa giải. Khi hòa giải thì hai bên thống nhất là bà A còn nợ bà số tiền hụi chết 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thống nhất thỏa thuận trả 6 lần đầu, mỗi tháng là 3.000.000 đồng, còn 11 lần sau mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà A đã trả cho bà số tiền 24.500.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 15.500.000 đồng, nhưng con gái của bà có lấy tiền đi học bà A đưa 120.000 đồng thì bà cũng đồng ý trừ lại. Tại phiên hòa giải bà yêu cầu bà A trả cho bà số tiền còn nợ là 15.380.000 đồng (Mười lăm triệu, ba trăm tám chục nghìn đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý T xác định chỉ yêu cầu bà Ngô T trả số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2/ Tại phiên hòa giải lập ngày 08/5/2023 cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Trần D trình bày:

Năm 2016 thì mẹ bà tên Ngô A có tham gia chưng hụi khui ngày 19/8/2016 âm lịch do bà Từ C làm chủ hụi là đúng. Trước đó thì mẹ bà có hỏi tiền của bà T nên bà T có gợi ý là kêu mẹ bà tham gia hụi do bà T đứng ra chơi hụi dùm, hốt hụi trả tiền cho bà T rồi đóng hụi dần dần sẽ hết nợ, mẹ bà thấy vậy cũng đồng ý do đóng lãi hoài nên rất ngán, các anh chị em của bà lúc đó thì đi học nên mẹ bà thật sự gặp khó khăn về kinh tế. Chưng hụi tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có 28 người tham gia. Khui hụi lần thứ ba thì bà T hốt hụi cho mẹ bà được số tiền 27.000.000 đồng, bà R trừ tiền của mẹ bà thiếu bà T, rồi mẹ bà đóng tiền hụi chết lại cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đến sau đó hụi bà C bể, lần thứ sáu đã ngưng khui hụi, rồi bà T đi thành phố làm ăn nên mẹ bà không có đóng tiền hụi cho bà T. Sau này bà T gửi đơn đến tổ hòa giải ấp V, xã VQ, thị xã N có bà dự thì bà có trình bày ý kiến là do hụi bể nên mẹ bà chỉ đóng trả lại cho bà T đủ số tiền hụi đã nhận khi hốt hụi là 27.000.000 đồng, nhưng do địa phương cứ kêu bà lập danh sách hụi có người giao và người đóng tiền, lập đúng như bà T nói là 6 lần đầu đóng mỗi tháng 3.000.000 đóng, 11 lần sau đóng mỗi tháng 2.000.000 đồng, địa phương nói cứ lập danh sách đủ số tiền 40.000.000 đồng đi rồi đóng đến khi đủ tiền đã nhận thì ngưng, nhưng do mẹ bà ở nhà cứ thấy danh sách bà đã lập rồi đóng tiền, không xem kỹ, con cái thì đi làm ăn xa nên không có xem, đến nay đã đóng vượt số tiền hụi đã hốt, tính ra đóng cho bà T số tiền 40.620.000 đồng. Nay bà T yêu cầu mẹ bà (bà Ngô A) trả số tiền hụi còn lại 15.000.000 đồng là bà không đồng ý do hụi của bà C đã bể, nếu hụi bà C không ngưng khui mà để dây hụi chơi đến mãn hụi thì bà A đồng ý trả số tiền còn 15.000.000 đồng cho bà T để tiếp tục đóng hụi.

Tại phiên hòa giải thì bà có trình bày sẽ làm đơn yêu cầu phản tố để buộc bà T phải trả lại cho bà A số tiền dư so với tiền hụi đã hốt nhưng do mẹ bà không đồng ý ký vào đơn phản tố nên bà không có nộp đơn phản tố.

Nếu bà A trả cho bà T số tiền còn lại 15.000.000 đồng để bà T và bà C khấu trừ nợ hụi với nhau do hai bà này đều là chủ hụi mà không đưa lại cho những người tham gia trong dây hụi là không đúng mục đích của số tiền và không đúng quy định của hụi; dây hụi này mở ra cũng không đúng quy định của

pháp luật. Cho nên mẹ bà là bà A không đồng ý trả số tiền hụi chết còn lại 15.000.000 đồng cho bà T theo như bà T khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà T khởi kiện bà A yêu cầu đòi lại số tiền bà A còn nợ đã chốt nợ năm 2017 đối với dây hụi bà chơi dùm bà A. Cho Nên Hội đồng xét xử xác định lại loại kiện là Đòi lại tài sản theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà A trả số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà A không đồng ý vì cho rằng chưng hụi bà T tham gia dùm bà A thì chủ hụi bị bể hụi, bà A đã đưa cho bà T số tiền đóng hụi chết hơn số tiền hốt hụi, chưng hụi này không phù hợp với quy định của pháp luật. Nhận thấy:

[2.1] Tại phiên hòa giải lập ngày 08/5/2023 các đương sự thống nhất bà T tham gia dùm bà A một chưng hụi, số chưng hụi là 28 chưng, hụi khui ngày 19/8/2016 âm lịch, hụi một tháng khui một lần, loại hụi 2.000.000 đồng. Hụi khui lần thứ ba thì bà T hốt hụi giao tiền hụi cho bà A. Số tiền bà A đã đưa cho bà T đóng hụi tổng cộng là 40.620.000 đồng. Số tiền hụi bà A phải đóng cho bà T nếu tính đến đóng hết 28 chưng chết, còn lại là 15.380.000 đồng, năm 2017 tổ hòa giải ấp V, xã VQ, thị xã N có tiến hành hòa giải tiền hụi giữa bà T và bà A. Đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn bà A không đồng ý trả nợ với các lý do: chưng hụi này đã bị bể hụi; dây hụi không phù hợp quy định pháp luật; việc bà T và bà C đã thu tiền của bà A số tiền mấy chục triệu để cấn trừ nợ là không đúng quy định. Cho nên bà A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà A trả số tiền 15.000.000 đồng.

[2.3] Quá trình tố tụng các đương sự đều thống nhất bà T có tham gia hụi dùm bà A một chưng hụi, bà T đã hốt hụi đưa tiền cho bà A, nghĩa vụ của bà A là đưa tiền cho bà T lại đóng tiền hụi chết. Việc giao dịch nhờ tham gia hụi dùm, thỏa thuận chơi hụi, đóng tiền hụi đều là sự thỏa thuận tự nguyện của bà T và bà A. Bà T đã thực hiện nghĩa vụ của hụi viên đóng hết số chưng hụi chết cho chủ hụi bà C được sự xác nhận của chủ hụi bà C. Do bà A không đưa tiền lại cho bà T nên bà T đòi lại số tiền này. Năm 2017 tổ hòa giải ấp V, xã VQ, thị xã N cũng đã tiến hành hòa giải việc thiếu tiền giữa bà T và bà A. Bà T trình bày tại buổi hòa giải ấp V thì bà A thống nhất trả cho bà T số tiền còn nợ lại là 40.000.000 đồng, thỏa thuận nhiều 17 lần trả cho bà T, cụ thể 06 lần đầu mỗi tháng bà A trả cho bà T số tiền 3.000.000 đồng, 11 lần tiếp theo mỗi tháng bà A trả cho bà T số tiền 2.000.000 đồng là hết nợ. Bà T có cung cấp cho Tòa án một danh sách ghi cụ thể

số lần trả, số tiền trả 17 lần phù hợp với danh sách mà người đại diện hợp pháp của bị đơn bà A đưa ra cũng đúng số tiền phải trả là 40.000.000 đồng, số lần trả là 17 lần. Nên có cơ sở xác định các bên đã chốt nợ vào năm 2017 là bà A có nợ bà T số tiền 40.000.000 đồng; bà A đã trả cho bà T số tiền 24.620.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Nên nay nguyên đơn bà T kiện đòi bà A trả số tiền 15.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Ngô A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng. Nguyên đơn bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý T về việc yêu cầu bà Ngô A trả lại số tiền còn nợ.

Buộc bà Ngô A trả cho bà Lý T số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lý T thì hàng tháng bà Ngô A còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô A phải chịu là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Lý T không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 387.000 đồng (*Ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0006513 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng